

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: 67/2022/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thủ Dầu Một, ngày 03 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 66/2022/VDS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1984;

- Bà Trương Thị Ngọc Q, sinh năm 1984;

Cùng trú tại: số 54/2, tổ 11, khu phố 2, đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26/5/2022, ông Nguyễn Tấn Đ và bà Trương Thị Ngọc Q bà đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông Đ và bà Q yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thật sự tự nguyện ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông Đ và bà Q có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 04/01/2009 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 11/11/2013. Ông Đ và bà Q thống nhất giao 02 (hai) con chung cho bà Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, sự

thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ và bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Nguyễn Tấn Đ và bà Trương Thị Ngọc Q là người yêu cầu nên phải chịu theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn Đ và bà Trương Thị Ngọc Q thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 04/01/2009 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 11/11/2013 cho bà Trương Thị Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

[1.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Đ và bà Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Tấn Đ được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp ông Đ lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của bà Q thì bà Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung đối với ông Đ.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, khi một trong các đương sự hoặc cả hai đương sự có yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

[1.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ và bà Q không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Nguyễn Tấn Đ và bà Trương Thị Ngọc Q mỗi người phải chịu 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) được trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí ông

Đạt đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001318 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- UBND phường P;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ái Ngân